

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN YÊN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2020/HNGĐ-ST
Ngày 22 tháng 9 năm 2020
V/v: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình".

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN, TỈNH BẮC GIANG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- * **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông: Nguyễn Ánh Dương
- * **Các Hội thẩm nhân dân:**
 1. Ông Trần Văn Thiện.
 2. Ông Đào Xuân Hải.
- * **Thư ký phiên tòa:** Bà Vi Thị Lan Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Yên.
- * **Đại diện VKSND huyện Tân Yên tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Hải - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 228/2020/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2020 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 232/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/9/2020, giữa các đương sự:

- * **Nguyên đơn:** Chị Đinh Thị X- sinh năm 1987(Đề nghị xét xử vắng mặt)
Nơi ĐKKHKT: Thôn Q, xã P, huyện T, tỉnh B;
Hiện ở: Bản T, xã T, huyện M, tỉnh S;
- * **Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn H - sinh năm 1985 (Có mặt)
Nơi ĐKKHKT: Thôn Q, xã P, huyện T, tỉnh B;
Hiện ở: Thôn H, xã P, huyện T, tỉnh B;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 04/8/2020 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là chị Đinh Thị X trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn H kết hôn ngày 24/3/2008, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện T, tỉnh B. Trước khi kết hôn vợ chồng chị được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương. Sau khi kết hôn thì chị và anh H về chung sống với nhau tại thôn Q, xã P, huyện T, tỉnh B. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến tháng 2/2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, anh H không có trách nhiệm với vợ con, vợ

chồng thường xuyên cãi nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn và yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tân Yên giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

Về con chung: Chị và anh H có 02 con chung là Nguyễn Văn T, sinh ngày 15/11/2009 và Nguyễn Đình Thu T, sinh ngày 05/8/2015, hiện đang ở cùng anh H. Ly hôn, chị đề nghị được nuôi cháu T, anh H nuôi cháu T1 và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Hiện chị đang làm nhân viên văn phòng, thu nhập 8.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung của vợ chồng về tài sản, công sức đóng góp, ruộng canh tác: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại Bản tự khai ngày 31/8/2020, bị đơn là anh Nguyễn Văn H trình bày:

Anh kết hôn với chị Đinh Thị X vào ngày 24/3/2008 trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện T, tỉnh B. Sau khi đăng ký kết hôn và tổ chức cưới theo phong tục, chị X về chung sống với anh ngay tại thôn Q, xã P, huyện T, tỉnh B. Vợ chồng anh chung sống bình thường đến giữa ngày 16/8/2019 thì xảy ra mâu thuẫn do chị X không quan tâm đến chồng con, bỏ nhà ra đi theo hội Đức Chúa Trời và không liên lạc với chồng con. Vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Nay anh thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh đồng ý ly hôn chị X.

Về con chung: Anh và chị X có 02 con chung là Nguyễn Văn T, sinh ngày 15/11/2009 và Nguyễn Đình Thu T, sinh ngày 05/8/2015, hiện đang ở cùng anh. Ly hôn, anh đề nghị được nuôi 02 con chung là cháu T và cháu T1. Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Quá trình giải quyết vụ án thì anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại phiên tòa thì anh H có ý kiến giải quyết tài sản theo quy định của pháp luật.

Tại Biên bản xác minh ngày 17/9/2020, ông Đoàn Thanh D – Trưởng thôn Q cho biết: Anh Nguyễn Văn H và chị Đinh Thị X có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Q, xã P, huyện T, tỉnh B. Anh H kết hôn với chị X năm 2008 và sinh sống ở thôn Q. Ông không rõ vợ chồng mâu thuẫn như thế nào, nguyên nhân ra sao, chỉ biết chị X đã tự ý bỏ đi khỏi nhà từ cuối năm 2019 đến nay. Anh H và chị X có 02 con chung là Nguyễn Văn T, sinh ngày 15/11/2009 và Nguyễn Đình Thu T, sinh ngày 05/8/2015, hiện đang ở cùng anh H khỏe mạnh, phát triển bình thường. Anh H là thợ xây tại địa phương. Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian của anh H, chị X ông không rõ.

Tại Biên bản xác minh ngày 17/9/2020, ông Nguyễn Văn H là bố đẻ anh H cho biết: Năm 2008, anh H kết hôn với chị Đinh Thị X. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh H, chị X ở với ông tại thôn Q. Khoảng giữa năm 2019 chị X tự ý bỏ nhà ra đi và bỏ con lại cho anh H nuôi dưỡng đến nay. Nguyên nhân chị X bỏ nhà đi thì ông không rõ. Nay chị X xin ly hôn thì quan điểm của ông là tùy anh H, chị X. Anh H và chị X có 02 con chung là Nguyễn Văn T, sinh ngày 15/11/2009 và Nguyễn Đình Thu T, sinh ngày 05/8/2015, hiện đang ở cùng anh H khỏe mạnh, phát triển bình thường. Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung của anh H, chị X ông không rõ.

Toà án đã mở phiên hoà giải để hoà giải về quan hệ vợ chồng, con chung, tài sản, công nợ, án phí nhưng chị X và anh H đều vắng mặt nên không tiến hành hoà giải được.

Sau phần tranh luận, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Hòa giải lần 01 thì anh H không chấp hành theo quy định.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 144; khoản 04 Điều 147 BLTTDS; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị X được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.
- Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Văn H nuôi dưỡng cháu Nguyễn Văn T, sinh ngày 15/11/2009. Giao cho Chị Đinh Thị X nuôi dưỡng cháu Nguyễn Đình Thu T, sinh ngày 05/8/2015. Anh H, chị X không phải cấp dưỡng nuôi con chung.
- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, công sức đóng góp, ruộng canh tác: Không xem xét, giải quyết.
- Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Đinh Thị X phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với Chị Đinh Thị X nhưng chị X có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt đương sự theo điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 01 khoản 3 Điều 228 BLTTDS.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và giấy triệu tập, Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ số: 56/2020/QĐ-CCTLCC ngày 01/9/2020 về việc yêu cầu anh H cung cấp toàn bộ các tài liệu, chứng cứ liên quan đến mâu thuẫn vợ chồng, con chung, tài sản chung, công nợ, liên quan đến tranh chấp hôn nhân và gia đình và liên quan đến quyền, nghĩa vụ của đương sự trong vụ án cho anh Nguyễn Văn H nhưng anh H không cung cấp tài liệu, chứng cứ nên phải chịu hậu quả pháp lý.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Giữa Chị Đinh Thị X và anh Nguyễn Văn H xác lập quan hệ hôn nhân là tự nguyện, hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật Hôn nhân và gia đình, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện T, tỉnh B, làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ, chồng và được coi là hôn nhân hợp pháp. Hội đồng xét xử xét thấy, anh chị có thời gian chung sống hạnh phúc đến ngày 16/8/2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không quan tâm đến nhau, thường xuyên cãi chửi nhau. Vợ chồng đã ly thân thời gian dài, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mặc dù bản thân và gia đình đã tích cực hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng không được. Vì vậy, xét mâu thuẫn giữa chị X, anh H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Cần

chấp nhận yêu cầu cho chị Đinh Thị X được ly hôn anh Nguyễn Văn H là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Vợ chồng chị X, anh H có 02 con chung là Nguyễn Văn T, sinh ngày 15/11/2009 và Nguyễn Đình Thu T, sinh ngày 05/8/2015, hiện đang ở cùng anh H. Khi giải quyết vụ án về ly hôn này cần xem xét đến quyền lợi của các bên đương sự nhất là quyền lợi mọi mặt của trẻ em. Xét điều kiện nuôi con thấy: Xác minh tại địa phương cho thấy hiện tại 02 cháu T và T1 do anh H trực tiếp nuôi dưỡng. Hiện cả 02 cháu T và T1 đều đang phát triển bình thường. Chị X hiện đang nhân viên văn phòng, anh H làm thợ xây, cả hai đều có thu nhập ổn định đảm bảo cuộc sống và đảm bảo việc nuôi dưỡng con chung. Mặt khác, cháu T gần 11 tuổi và có nguyện vọng ở với bố là anh H. Nên Hội đồng xét xử thấy không chấp nhận yêu cầu nuôi dưỡng 02 con chung của anh H. Mà cần chấp nhận đề nghị của chị X và đại diện Viện kiểm sát. Cần giao cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là Nguyễn Văn T, sinh ngày 15/11/2009, giao cho chị X trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là Nguyễn Đình Thu T, sinh ngày 05/8/2015 là đảm bảo sự ổn định, phát triển về mọi mặt của cháu Thanh, cháu Trà và phù hợp Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Chị Đinh Thị X và anh Nguyễn Văn H không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị X, anh H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[5] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Do chị X, anh H mỗi người nuôi một con nên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

[6] Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung của vợ chồng về tài sản, ruộng canh tác: Quá trình giải quyết vụ án thì Chị Đinh Thị X và anh Nguyễn Văn H không yêu cầu giải quyết. Tại phiên tòa thì anh H đề nghị giải quyết theo quy định. Ngày 01/9/2020 Tòa án đã giao Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ số 56/2020/QĐ-CCTLCC ngày 01/9/2020 cho anh H về yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ liên quan tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung của vợ chồng về tài sản, ruộng canh tác và liên quan tranh chấp hôn nhân và gia đình bày nhưng anh H không cung cấp. Mặt khác, Tòa án đã mở phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, ra quyết định xét xử nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung của vợ chồng về tài sản, ruộng canh tác. Sau này giữa chị X, anh H có phát sinh tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đinh Thị X phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điểm b khoản 02 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị X được ly hôn anh Nguyễn Văn H.
2. Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Văn H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Nguyễn Văn T, sinh ngày 15/11/2009. Giao cho Chị Đinh Thị X trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Nguyễn Đình Thu T, sinh ngày 05/8/2015.

Chị Đinh Thị X và anh Nguyễn Văn H không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị X, anh H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Do chị X, anh H mỗi người nuôi một con nên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

4. Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung của vợ chồng về tài sản, ruộng canh tác: Chị Đinh Thị X và anh Nguyễn Văn H không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Chị Đinh Thị X phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số: AA/2018/0006476 ngày 28/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Xác nhận chị X đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt (hoặc niêm yết) bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Tân Yên;
- Chi cục THADS Tân Yên;
- UBND xã Phúc Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Ánh Dương